

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14-6-2022

V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 106/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1992; địa chỉ thường trú: Ấp D, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Ấp Ô, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Thông T, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: Ấp D, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà N có mặt tại phiên tòa, bị đơn ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn ngày 28/02/2022, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Đỗ Thông T chung sống với nhau từ năm 2009, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 06/8/2010. Từ năm 2009 đến đầu năm 2021, bà N và ông T sống tại quê của bà N tại Ấp Ô, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương. Những năm đầu hôn nhân, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì bất đồng quan điểm, có nhiều mâu thuẫn giữa bà N và ông T không thể hòa giải được. Khoảng hơn 06 tháng nay, giữa bà N và ông T đã không còn chung sống cùng nhau, bà N và 02 con sống tại Ấp Ô, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương, riêng ông T bỏ về nhà cha mẹ đẻ tại Ấp D, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương để sinh sống. Do có nhiều mâu thuẫn nên vào tháng 12 năm 2021, bà N đã làm đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, yêu cầu được ly hôn với ông T. Để vợ chồng cùng hàn gắn tình cảm, chung sống hạnh phúc với nhau nên bà N đã rút lại đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định số 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2022. Tuy nhiên, sau khi rút đơn khởi kiện, tình cảm vợ chồng giữa bà N và ông T vẫn không có những chuyển biến tích cực, vẫn có những mâu thuẫn không thể hòa giải. Hiện nay, bà N thấy rằng đã không còn tình cảm với ông T, vợ chồng đã không còn chung sống cùng với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Giữa bà N và ông T có 02 con chung tên Đỗ Thụy Như T1, sinh ngày 07/9/2010 và Đỗ Nhật T2, sinh ngày 10/9/2012. Hai con chung hiện nay đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn bà N cung cấp: Đơn xin ly hôn ngày 28/02/2022; bản sao căn cước công dân; bản sao sổ hộ khẩu; bản sao giấy chứng nhận kết hôn giữa bà N và ông T; 02 bản sao giấy khai sinh của cháu Đỗ Thụy Như T1 và cháu Đỗ Nhật T2; bản photo Đơn xin xác nhận ngày 04/11/2021; Đơn xin xác nhận ngày 15/3/2022 có xác nhận của Công an xã Cây Trường II; 02 Giấy xác nhận cùng ngày 21/4/2022 của Trường Tiểu học Cây Trường; Hợp đồng lao động ngày 04/3/2019; đơn yêu cầu tòa án hỗ trợ gửi tài liệu chứng cứ; đơn yêu cầu không hòa giải theo Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án; đơn yêu cầu không hòa giải ngày 22/4/2022; bản tự khai ngày 10/3/2022.

Quá trình tiến hành tố tụng bị đơn ông T trình bày:

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng như: Thông báo, tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng để ông T biết và thực hiện tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không cung cấp ý kiến cho Tòa án.

Ý kiến của con chung:

Quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, cháu Đỗ Thùy Như T1, sinh ngày 07/9/2010 và Đỗ Nhật T2, sinh ngày 10/9/2012 là con chung của bà N và ông T có ý kiến: Khi cha và mẹ ly hôn, cháu Thùy và cháu Trường có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Nguyễn Thị Tuyết N.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án:

Tại Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư ngày 10/3/2022 của Công an xã Đ, huyện D, xác định được: Ông Đỗ Thông T, sinh ngày 29/4/1988 hiện nay đang cư trú tại ấp Dáng Hương, xã Đ, huyện D; ông T có vợ tên Nguyễn Thị Tuyết N, cha tên Đỗ Văn Tươi, mẹ tên Nguyễn Thị Tuyết Minh.

Tại biên bản xác minh ngày 10/3/2022, ông Nguyễn Minh T3 - Trưởng Ban lãnh đạo ấp DH, xã Đ, huyện D cung cấp ý kiến: Bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Đỗ Thông T có mối quan hệ là vợ chồng, cùng đăng ký thường trú tại ấp Dáng Hương, xã Đ, huyện D; sau khi kết hôn, bà N và ông T không sinh sống tại địa phương mà đến quê của bà N tại xã Cây Trường II, huyện Bàu Bàng để sinh sống; không biết lý do gì mà hiện nay ông T về địa phương để sinh sống cùng cha mẹ là ông Tươi và bà Minh. Về mâu thuẫn giữa bà N và ông T như thế nào thì địa phương không rõ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, đã có mặt nguyên đơn bà N và 02 con chung của đương sự là cháu Thùy và cháu Trường; bị đơn ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vắng mặt ông T theo quy định. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn và giao con chung cho nguyên đơn được trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Tuyết N khởi kiện, yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung với ông Đỗ Thông T. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án có quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; bị đơn ông Đỗ Thông T cư trú tại Ấp D, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm

a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà N có mặt, bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông T theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện D vào ngày 16/8/2010. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp. Quá trình chung sống, bà N và ông T có nhiều mâu thuẫn không hòa giải được, hiện bà N không còn tình cảm với ông T, vợ chồng đã không còn chung sống cùng với nhau từ khoảng hơn 06 tháng nay. Trước đây, bà N đã làm đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, yêu cầu được ly hôn với ông T nhưng sau đó đã rút lại đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định số 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2022. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông T theo quy định tại các Điều 19 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà N và ông T có 02 con chung tên Đỗ Thụy Như T1, sinh ngày 07/9/2010 và Đỗ Nhật T2, sinh ngày 10/9/2012. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy: Cháu Đỗ Thụy Như T1 và Đỗ Nhật T2 hiện đang do bà N nuôi dưỡng và đều có nguyện vọng được ở với mẹ là bà N; hiện nay cháu Thùy và cháu Trường đang học tại Trường Tiểu học Cây Trường, huyện B, tỉnh Bình Dương; bà N có việc làm, có thu nhập ổn định (hiện đang làm Công nhân cho Công ty BEESCO VINA có địa chỉ tại khu công nghiệp Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước); vì vậy, việc giao cho bà N nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà N không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con, đây là ý kiến tự nguyện của bà N và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các bên đương sự được quyền khởi kiện tại một vụ án khác nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung.

[4] Ông T được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không lý do, không cung cấp ý kiến cho Tòa án nên không xem xét ý kiến của bị đơn.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về quá trình tiến hành tố tụng, diễn biến tại phiên tòa cũng như nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” của bà Nguyễn Thị Tuyết N đối với ông Đỗ Thông T, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết N được ly hôn với ông Đỗ Thông T.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Bà Nguyễn Thị Tuyết N được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Đỗ Thụy Như T1, sinh ngày 07/9/2010 và Đỗ Nhật T2, sinh ngày 10/9/2012.

Ghi nhận ý kiến tự nguyện của bà Nguyễn Thị Tuyết N về việc không yêu cầu ông Đỗ Thông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu toàn bộ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0007241 ngày 28/02/2022 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, bà N đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo:

3.1. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 14/6/2022).

3.2. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Đ, huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tùng